TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 4 - 2021.
V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân huyện H không tham gia.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 346/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Chí D, sinh năm: 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Năm 2008, chị với anh Phạm Chí D tìm hiểu, yêu thương, được cha mẹ hai bên chấp nhận nên anh chị đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, chị với anh Phạm Chí D có ba con chung tên Phạm Tuấn M, sinh ngày 07/12/2011, Phạm Chí C, sinh ngày 16/02/2014 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 20/7/2016. Hiện ba con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cự cải và ngày càng gây gắt.

Trước đây, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng do anh D năn nỉ và vì thương con nên chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh D vẫn không thay đổi nên chị thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Phạm Chí D.

- Về quan hệ nuôi con chung: Hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung tên Phạm Tuấn M, sinh ngày 07/12/2011, Phạm Chí C, sinh ngày 16/02/2014 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 20/7/2016 nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản và nợ chung.

2. Bị đơn anh Phạm Chí D: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp hòa giải và phiên tòa) nhưng bị đơn anh Phạm Chí D không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Ngô Thị N có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Phạm Chí D, xin được tiếp tục trực tiếp nuôi nuôi ba con chung tên Phạm Tuấn M, sinh ngày 07/12/2011, Phạm Chí C, sinh ngày 16/02/2014 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 20/7/2016 nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn anh Phạm Chí D vắng mặt tại phiên tòa nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị N thì quan hệ pháp luật được xác định là:*"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do anh Phạm Chí D có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị N và anh Phạm Chí D đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 66/2017 ngày 25/4/2017 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị N và anh Phạm Chí D là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ngô Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Phạm Chí D. Chị N xác định, chị không còn tình cảm với anh Phạm Chí D, giữa vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Phạm Chí D mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị N, thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử nhưng anh D không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Điều này cho thấy, anh D không quan tâm và không mong muốn được hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị N nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị N là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị N với anh Phạm Chí D có ba con chung tên Phạm Tuấn M, sinh ngày 07/12/2011, Phạm Chí C, sinh ngày

16/02/2014 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 20/7/2016. Hiện các cháu M, C và N đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, các cháu M, C và N từ nhỏ đã sống chung với nhau và do chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để chị N tiếp tục nuôi ba con chung là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N không yêu cầu anh Phạm Chí D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị N được ly hôn với anh Phạm Chí D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phạm Tuấn M, sinh ngày 07/12/2011, Phạm Chí C, sinh ngày 16/02/2014 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Ngô Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị N không yêu cầu anh Phạm Chí D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Chí D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001189 ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Ngô Thị N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Phạm Chí D vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh